

CHỦ ĐỀ 6. ÔN TẬP VỀ TỪ

MÔN: NGỮ VĂN – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG - LỚP 7



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

A. Lý thuyết về từ

Từ	Khái niệm	Phân loại
Cụm từ	Là đơn vị cú pháp nhỏ nhất do các từ kết hợp với nhau tạo thành.	Ba loại cụm từ quan trọng nhất, đó là: Cụm danh từ, cụm động từ và cụm tính từ.
Từ láy	Là cấu tạo đặc biệt của từ phức, được tạo thành bởi hai tiếng trở lên, trong đó phối hợp những tiếng có âm đầu hoặc vần hoặc cả âm đầu và vần	- Từ láy toàn bộ: Là loại từ được lấy giống nhau cả phần âm, vần, dấu câu. - Từ láy bộ phận: Là loại từ được lấy giống phần âm hoặc phần vần, dấu câu có thể giống hoặc khác tùy vào cách người dùng muốn
Nghĩa của từ ngữ	Là nội dung (sự vật, tính chất, hoạt động, quan hệ...) mà từ biểu thị. Có thể hiểu nghĩa của từ chính là nội dung mà từ biểu thị để giúp chúng ta có thể hiểu và nhận diện được nội dung từ đó	Có thể giải thích nghĩa của từ bằng hai cách chính như sau: - Trình bày khái niệm mà từ biểu thị. - Đưa ra những từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa với từ cần giải thích.
Phó từ	Là các từ ngữ luôn đi liền với các từ loại khác là tính từ, động từ và trạng từ với tác dụng bổ sung, giải thích rõ hơn ý nghĩa của các từ mà nó đi kèm	- Phó từ đứng trước động từ, tính từ - Phó từ đứng sau động từ tính từ.
Số từ	Là những từ chỉ số lượng và thứ tự của sự vật. Khi biểu thị số lượng sự vật, số từ thường đứng trước danh từ.	- Số từ chỉ số lượng thường đứng trước danh từ bao gồm số từ xác định, như: một, hai, ba và số từ ước chừng, như: vài, dặm, mười. - Số từ chỉ thứ tự thường đứng sau danh từ để nói rõ về thứ tự. Tuy nhiên, có trường hợp số từ chỉ số lượng nhưng vẫn đứng sau danh từ.
Từ ngữ địa phương	Là những từ chỉ được sử dụng ở một hoặc một số địa phương nhất định	- Theo vùng miền có 3 loại là: từ ngữ địa phương Bắc Bộ, từ ngữ địa phương Trung Bộ, từ ngữ địa phương Nam Bộ

		- Theo ý nghĩa có 2 loại: tương ứng với từ toàn dân và đồng âm khác nghĩa với từ toàn dân
--	--	---

B. Bài tập

Câu 1. Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“Buổi sáng sớm, cả khu vườn còn ẩm sương. Những bông hoa nhỏ xinh khẽ rung rinh trong gió nhẹ. Chim chóc hót líu lo trên những cành cây cao. Tất cả tạo nên một bức tranh thiên nhiên trong trẻo và yên bình.”

a. Tìm và liệt kê 3 cụm từ có trong đoạn văn trên.

b. Phân tích thành phần của 1 cụm danh từ và 1 cụm động từ trong số các cụm từ vừa tìm được.

c. Viết một đoạn văn (5–7 câu) tả cảnh buổi sáng ở quê em, có sử dụng ít nhất 2 cụm từ. Gạch chân các cụm từ đó.

Câu 2.

a. Trong các từ sau đây, từ nào là từ láy, từ nào là từ ghép?

máu mủ, râu ria, lấp ló, tươi tốt, khang khác, nấu nướng, đông đủ, đông đúc, nhanh nhẹn, hăng hái.

b. Cho đoạn văn sau:

“Đêm về khuya lặng gió. Sương phủ trắng mặt sông. Những bầy cá nhao lên đớp sương “tom tốp”, lúc đầu còn loáng thoáng dần dần tiếng tung toẵng xôn xao quanh mạn thuyền.”

- Tìm những từ láy có trong đoạn văn.

- Phân loại các từ láy tìm được theo các kiểu từ láy đã học.

Câu 3. Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“Trên cánh đồng rộng lớn, người nông dân đang cày mướn gặt lúa. Từng bó lúa vàng ươm được chất lên xe, chở về sân phơi. Nắng trải dài trên mặt đất, ánh lên vẻ no ấm, thanh bình.”

a. Tìm trong đoạn văn trên 3 từ đồng nghĩa và 3 từ trái nghĩa với các từ sau:

- Đồng nghĩa với: *cày mướn, rộng lớn, no ấm*

- Trái nghĩa với: *nắng, thanh bình, chất lên*

b. Giải thích nghĩa đen và nghĩa bóng (nếu có) của từ “nắng” trong đoạn văn.

c. Viết một đoạn văn (4–6 câu) tả một ngày lao động ở quê hương em, trong đó có sử dụng ít nhất 2 từ đồng nghĩa và 2 từ trái nghĩa với các từ ở câu 1. Gạch chân các từ đó.

Câu 4. Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Trời đã bắt đầu sáng rõ. Chim chóc cũng vừa mới hót líu lo trên cành. Gió nhẹ thổi qua làm cây lá khẽ lay động. Mọi vật dường như đang thức dậy sau một giấc ngủ dài. Tôi chậm rãi bước ra sân, hít một hơi thật sâu và khẽ mỉm cười với buổi sáng bình yên.

a. Tìm 5 phó từ có trong đoạn văn trên và cho biết chúng bổ sung ý nghĩa gì cho động từ hoặc tính từ đứng sau (hoặc trước) chúng.

b. Viết lại một câu trong đoạn văn, thay đổi phó từ bằng từ khác có nghĩa tương đương (nếu có thể), rồi giải thích sự thay đổi đó có làm thay đổi sắc thái ý nghĩa câu không.

c. Viết một đoạn văn (4–5 câu) kể về một buổi sáng của em, sử dụng ít nhất 3 phó từ. Gạch chân những phó từ đó.

Câu 5. Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

Sáng nay, lớp 7A tổ chức trồng cây xanh trong khuôn viên trường. Mỗi tổ được phân công trồng năm cây.

Tổ 1 trồng bốn cây cau và một cây bàng. Tổ 2 trồng ba cây xoài và hai cây phượng. Tổng cộng, cả lớp trồng được mười cây. Ai nấy đều vui vẻ và hào hứng tham gia.

a. Xác định **tất cả các số từ** có trong đoạn văn.

b. Xếp các số từ đó vào bảng phân loại sau:

Số từ	Chỉ số lượng	Chỉ thứ tự

c. Viết một đoạn văn (4–5 câu) kể về một hoạt động của lớp em, trong đó có sử dụng **ít nhất 3 số từ**. Gạch chân các số từ đó.

Câu 6. Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Ở quê ngoại em, người ta thường gọi “khoai lang” là củ sắn, “ngô” là bắp, và “mẹ” là mạ. Mỗi lần về thăm quê, em lại nghe bà ngoại nói: “Chiều ni mạ nấu canh rau đay với tép nghe con!” Nghe giọng nói và cách xưng hô thân thương ấy, em cảm thấy quê hương thật gần gũi và đầy yêu thương.

a. Tìm và ghi lại các từ ngữ địa phương có trong đoạn văn trên. Ghi lại từ ngữ toàn dân tương ứng với những từ địa phương đó.

b. Viết một đoạn văn ngắn (4–5 câu) kể về một kỉ niệm đáng nhớ của em với người thân hoặc bạn bè, trong đó có sử dụng ít nhất 2 từ ngữ địa phương. Gạch chân những từ đó.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Câu 1:

Phương pháp:

Vận dụng kiến thức về cụm từ

Lời giải chi tiết:

a. 3 cụm từ: *những bông hoa nhỏ xinh, hót líu lo, trên những cành cây cao*

b.

Cụm từ	Phân tích
Cụm danh từ: <i>những bông hoa nhỏ xinh</i>	→ Phụ ngữ trước: <i>những</i> → Từ trung tâm: <i>bông hoa</i> → Phụ ngữ sau: <i>nhỏ xinh</i>
Cụm động từ: <i>hót líu lo</i>	→ Từ trung tâm: <i>hót</i> → Phụ ngữ sau: <i>líu lo</i>

c. Sáng sớm, em thức dậy trong **không khí mát lạnh của làng quê**. Ngoài sân, **tiếng chim hót ríu rít** vang lên giữa vòm cây xanh mát. Mặt trời vừa lên, những tia nắng vàng óng chiếu xuống làm cho khu vườn thêm rực rỡ. Em hít một hơi thật sâu, cảm nhận hương đồng gió nội thật dễ chịu. Em yêu biết bao **buổi sáng bình yên như thế**.

(Cụm từ: *không khí mát lạnh của làng quê, tiếng chim hót ríu rít, buổi sáng bình yên như thế*.)

Câu 2:

Phương pháp:

Cần phân biệt từ ghép và từ láy. Từ ghép thì các tiếng đều có nghĩa còn từ láy thì không phải như vậy. Lần lượt xét từng từ và sắp xếp cho thích hợp.

Lời giải chi tiết:

a.

- Từ láy: *lấp ló, khang khác, đông đúc, nhanh nhẹn, hăng hái.*
- Từ ghép: *máu mủ, râu ria, tươi tốt, nấu nướng, đông đủ.*

b.

- Những từ láy có trong đoạn văn là: *tom tốp; loáng thoáng; từng toẵng; xôn xao; dần dần.*

- Phân loại:

- + Từ láy phụ âm đầu: *tom tốp; từng toẵng; xôn xao*
- + Từ láy vần: *loáng thoáng*
- + Từ láy cả phụ âm đầu và vần (tiếng): *dần dần*

Câu 3:

Phương pháp:

Vận dụng kiến thức về từ đồng nghĩa và từ trái nghĩa

Lời giải chi tiết:

a.

Từ cho trước	Từ đồng nghĩa	Từ trái nghĩa
<i>cần mẫn</i>	chăm chỉ, siêng năng	
<i>rộng lớn</i>	bao la, mênh mông	
<i>no ám</i>	đủ đầy, sung túc	
<i>nắng</i>		mưa, râm
<i>thanh bình</i>		hỗn loạn, ồn ào
<i>chất lên</i>		dở xuống, gỡ ra

b.

Từ cho trước	Nghĩa đen	Nghĩa bóng
nắng	Hiện tượng ánh sáng và nhiệt từ mặt trời chiếu xuống	“nắng” không chỉ là ánh sáng mà còn biểu tượng cho sự ấm áp, no đủ và bình yên.

c. Sáng sớm, em cùng bà ra đồng giữa một buổi trời **râm mát**. Mặc dù trời không **nắng**, bà vẫn **siêng năng** gặt lúa cùng mọi người. Tiếng cười nói rộn rã khiến không khí thêm ấm áp, khác hẳn sự **ồn ào** của phố thị. Nhìn những bó lúa được **dở xuống** từ xe, em cảm thấy cuộc sống quê em thật **bao la** và tràn đầy yêu thương.

- *Chú thích:* các từ in đậm là từ đồng nghĩa/trái nghĩa

Câu 4:**Phương pháp:**

Vận dụng kiến thức về phó từ

Lời giải chi tiết:

a.

Phó từ	Từ được bổ nghĩa	Ý nghĩa bổ sung
Đã	Bắt đầu	Thời gian trong quá khứ
Bắt đầu	Sáng rõ	Mức độ (mới xuất hiện)
Vừa mới	Hót	Thời gian gần hiện tại
Dường như	Đang thức dậy	Sự phỏng đoán, không chắc chắn
Khẽ	Mỉm cười / lay động	Mức độ nhẹ, tinh tế

b.

- Câu gốc: *Tôi chậm rãi bước ra sân...*

- Viết lại: *Tôi **từ từ** bước ra sân...*

=> Nhận xét: Thay “chậm rãi” bằng “từ từ” không làm thay đổi nghĩa cơ bản, nhưng “chậm rãi” gợi cảm giác thư thái hơn, còn “từ từ” mang sắc thái trung tính hơn.

c. Sáng nay, em **vừa mới** thức dậy thì nghe tiếng chim hót líu lo ngoài vườn. Em **nhẹ nhàng** kéo rèm cửa sổ và **lặng lẽ** nhìn ra ngoài. Cảnh vật thật yên bình và trong lành. Em thấy một ngày mới đã bắt đầu thật êm đềm.

- *Chú thích:* phó từ in đậm

Câu 5:

Phương pháp:

Vận dụng kiến thức đã học về số từ

Lời giải chi tiết:

a. Các số từ trong đoạn văn: năm, bốn, một, hai, ba, mười, 7A, tổ 1, tổ 2

b.

Số từ	Chỉ số lượng	Chỉ thứ tự
năm	X	
bốn	X	
một	X	
hai	X	
ba	X	
mười	X	
7a		X
tổ 1		X
tổ 2		X

c. Trong đợt kiểm tra học kỳ vừa rồi, lớp em có **ba mươi lăm** bạn tham gia. Trong đó có **hai mươi** bạn đạt điểm giỏi. Em thuộc nhóm **năm** bạn có điểm văn cao nhất lớp. Ai cũng vui mừng vì kết quả tốt đẹp.

- *Chú thích:* số từ in đậm

Câu 6:

Phương pháp:

Vận dụng kiến thức đã học về từ ngữ địa phương

Lời giải chi tiết:

a.

Từ ngữ địa phương	Từ ngữ toàn dân
củ sắn	khoai lang
bắp	ngô
mạ	mẹ
ni	nay (hôm nay)
tép	tôm nhỏ

b. Khi về quê ngoại, em được **mạ** dắt ra đồng chơi. Trên đường đi, mạ hái cho em một bông **bắp chuối** và kể chuyện ngày xưa. Em thích nhất là lúc cả nhà ngồi quanh mâm cơm, nghe giọng nói quê hương thân thuộc, thấy lòng mình thật yên bình.

- *Chú thích:* Từ ngữ địa phương được in đậm